

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-09-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thao

Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2025/QDDST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số I đường L, tổ H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là số I đường L, tổ H, phường T, tỉnh Gia Lai). *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Số I đường L, tổ H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là số I đường L, tổ H, phường T, tỉnh Gia Lai). *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-03-2025; bản tự khai ngày 20-08-2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thế H1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ) ngày 11-05-2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 ngày 11 tháng 5 năm 2005. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Thế H1 hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân bà và ông H1 không thống nhất được một số vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng nên ông H1 thường xuyên có hành vi bạo lực đối với bà, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, động viên để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay, bà nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không ai còn yêu thương hay quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, nếu tiếp tục chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Thế H1.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Thế H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Mỹ D, sinh ngày 29-9-2007 và cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 14-10-2009. Cháu Nguyễn Mỹ D đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Cháu Nguyễn Tiến M chưa thành niên, bà yêu cầu Tòa án giao cho bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tiến M cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Thế H1 đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, vì vậy bị đơn ông Nguyễn Thế H1 đều vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

3. Tại Văn bản trình bày đề ngày 29-8-2025, cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 14-10-2009, trình bày là con của mẹ Nguyễn Thị H và bố Nguyễn Thế H1 có nguyện vọng được sống cùng mẹ Nguyễn Thị H khi bố, mẹ ly hôn.

4. Biên bản xác minh ngày 04-08-2025 tại tổ H phường Y, thành phố P (nay là phường T), tỉnh Gia Lai thể hiện: Ông Nguyễn Thế H1, sinh năm 1971 có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ số I đường L, tổ H, phường Y, thành phố P (nay là phường T), tỉnh Gia Lai, ông H1 và bà H chưa chuyển đi nơi nào khác để sinh sống. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H1 thì chính quyền địa phương nơi ông H1 đang cư trú không nắm rõ, vì không báo cho chính quyền địa phương biết.

5. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày cuộc sống chung hai vợ chồng giữa bà và ông H1 không thể tiếp tục được nữa, nếu tiếp tục sống chung với nhau cũng không đem lại hạnh phúc mà còn gây tổn thương cho nhau, nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thế H1 và được nuôi con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 14-10-2009.

6. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thế H1.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 14-10-2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động hoặc không có tài sản tự nuôi mình.
- Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu, nên không xem xét.
- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Thế H1, là quan hệ tranh chấp theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại tổ H, phường Y, thành phố P (nay là phường T), tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-06-2025 của Quốc Hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Thế H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thế H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ) ngày 11-05-2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 ngày 11 tháng 5 năm 2005. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H1 là hợp pháp.

[5] Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H1 sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không còn hòa hợp với nhau về tính tình và quan điểm sống, ông H1 có hành vi bạo lực đối với bà H, vợ

chồng bà H ông H1 đã nhiều lần cố gắng hòa giải cùng với sự động viên của gia đình nhưng không thành, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nếu tiếp tục sống chung với nhau cũng không đem lại hạnh phúc mà còn gây tổn thương cho nhau. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, bà và ông Nguyễn Thế H1 không thể chung sống với nhau được nữa. Tại phiên tòa bà H xác định tình cảm của bà đối với Nguyễn Thế H1 không còn yêu thương, quý trọng nhau, nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thế H1.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H xin ly hôn ông H1; yêu cầu được quyền nuôi con chung, nhưng ông H1 không đến thực hiện quyền của mình. Điều này thể hiện ông H1 không quan tâm, bỏ mặc không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này cũng như tiếp tục chung sống với bà H, nên ông H1 không có ý kiến, bản khai nộp cho Tòa án, do đó không có ý kiến của bị đơn thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa. Hiện nay giữa bà H và ông H1 không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Nguyễn Thế H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Mỹ D, sinh ngày 29-9-2007 và cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 14-10-2009. Cháu Nguyễn Mỹ D đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Còn cháu Nguyễn Tiến M chưa thành niên, ly hôn bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giao cho bà trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tiến M. Cháu Nguyễn Tiến M có nguyện vọng sống với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn. Ông Nguyễn Thế H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu về nuôi con chung sau khi ly hôn của bà H, nhưng ông H1 không đến, không có văn bản trình bày ý kiến về con chung, nên không có thể hiện trong hồ sơ, tại phiên tòa. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và đảm bảo cho việc học hành cho cháu Nguyễn Tiến M sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung của bà Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi chính đáng, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con sau khi bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H vẫn không yêu cầu ông Nguyễn Thế H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-06-2025 của Quốc Hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Nguyễn Thế H1.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động hoặc không có tài sản tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 001328 ngày 18-03-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (cũ). Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7- Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 21; quyền số: 01 ngày 11-05-2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Phan Công Tôn